

Số: 324/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1103/BTC-PC ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính về xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 442/TTr-STC ngày 21 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.



Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT. 5Bình. *LC*



Trần Tuệ Hiền
Trần Tuệ Hiền

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 01/3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

1. Mục tiêu

Mục tiêu của thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CLP) năm 2024 là thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, thực chất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp THPTK, CLP trong các lĩnh vực, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để tạo nguồn cải cách tiền lương, đảm bảo giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế; tạo chuyển biến thực chất hơn trong nhận thức và hành động của các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về THPTK, CLP.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tại Chương trình THPTK, CLP của tỉnh giai đoạn 2021-2025; gắn với hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

b) Chương trình THPTK, CLP phải đảm bảo tính toàn diện, nhưng cần có trọng tâm, trọng điểm; tập trung vào chủ đề năm 2024 là “Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước; cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra qua kết quả giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán”.

c) Các chỉ tiêu THPTK, CLP trong các lĩnh vực phải được lượng hóa tối đa, phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm thực chất, có cơ sở cho việc đánh giá, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện theo quy định.

d) THPTK, CLP phải gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát, thúc đẩy cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

Công tác THPTK, CLP năm 2024 cần tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

a) Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm

vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để góp phần đưa tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 8-8,5% so với năm 2023, GRDP bình quân đầu người đạt 100 triệu đồng/người.

b) Khắc phục các hạn chế trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ; tập trung thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, kiến nghị, giải pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ và yêu cầu của các Nghị quyết.

c) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu THPT, CLP theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau.

d) Đẩy mạnh phân bổ, triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án đầu tư công trọng điểm, liên vùng, dự án có tác động lan tỏa,...; xác định đây là một trong các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tập trung ưu tiên trong chỉ đạo điều hành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ngành và địa phương.

đ) Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản để đảm bảo nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, đem lại hiệu quả cao và bền vững.

e) Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

g) Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, xác định đây là nhiệm vụ, giải pháp căn bản để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết của Quốc hội.

h) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cán bộ, công chức, viên chức trong chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THPT, CLP. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền cũng như thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP gắn với cơ chế khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và tổ chức thực hiện ở các cơ quan, đơn vị.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CÁC LĨNH VỰC

THTK, CLP năm 2024 được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP và pháp luật chuyên ngành có liên quan, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể sau:

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Trong năm 2024, thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân thông qua. Triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, các khoản chi chưa thực sự cần thiết để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ phục hồi kinh tế; tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

Kiểm soát chặt chẽ công tác lập, phân bổ, quản lý, sử dụng chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là các khoản chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hạng mục công trình bảo đảm đúng quy định pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện giảm dần chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập, nâng mức độ tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên theo lộ trình; nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập để góp phần cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

a) Việc phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, trật tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng quy định của pháp luật; thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ngân sách nhà nước tham gia vào các dự án PPP, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024; bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, dự án chuyển tiếp theo tiến độ; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại được bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật.

b) Siết chặt kỷ cương, kỷ luật đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp thực hiện, giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện nghiêm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư công theo đúng quy định.

d) Xây dựng phương án giải quyết dứt điểm các tồn tại đối với các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, dự án BOT, BT có hiệu quả chưa cao; sớm đưa các tài sản này vào phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

3. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

a) Tập trung đẩy nhanh công tác sắp xếp, xử lý nhà đất theo quy định để đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trong phạm vi toàn tỉnh. Có các giải pháp xử lý cơ bản các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý chứng minh nguồn gốc. Kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp các cơ sở đã được phê duyệt, nhất là các cơ sở nhà, đất phải thu hồi, đấu giá. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản các cơ quan, đơn vị sau sáp nhập và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, không để lãng phí, sai phạm, lấn chiếm, chuyển đổi, sử dụng sai mục đích hoặc để hoang hóa.

b) Triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, đảm bảo trước năm 2025 hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công.

4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả theo các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình THPTK, CLP của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, trong đó tập trung quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

a) Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng quy hoạch để bảo đảm khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, giảm thiểu thất thoát, lãng phí, tác động tiêu cực đến môi trường.

b) Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất theo đúng Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021- 2025.

5. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

a) Có giải pháp cụ thể để đẩy nhanh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022.

b) Thực hiện tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực về vốn, đất đai... của doanh nghiệp nhà nước, giải quyết dứt điểm tình trạng đầu tư dàn trải, ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thông qua việc thoái vốn, bảo đảm các doanh nghiệp nhà nước tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

a) Tiếp tục thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đảm bảo mục tiêu giai đoạn 2021-2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026. Khắc phục tình trạng giảm biên chế bình quân tại tất cả các cơ quan, đơn vị; xác định biên chế phải căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

c) Đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong xử lý công việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện tốt hơn nữa quy chế làm việc của các sở, ngành, địa phương.

d) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Thường xuyên rà soát, kiểm tra các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang thực hiện. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng chậm trễ, nhũng nhiễu, tiêu cực, lãng phí nguồn lực, cơ hội của Nhà nước, xã hội, người dân, doanh nghiệp; không để đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 cần bám sát các nhóm giải pháp nêu tại Chương trình THTK, CLP của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Trong đó, cần chú trọng vào các nhóm giải pháp sau đây:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP

Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPT, CLP năm 2024 theo định hướng, chủ trương của Đảng về THPT, CLP. Xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm trong từng lĩnh vực được giao phụ trách, trong đó cần phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, từng cán bộ, công chức, viên chức, gắn với công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đảm bảo việc thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

2. Rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật về THPT, CLP

a) Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về THPT, CLP theo hướng lấy tiết kiệm là mục tiêu, chống lãng phí là nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi.

b) Tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý; chú trọng các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực như đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tín dụng, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Rà soát, đề xuất, ban hành theo thẩm quyền tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, chế độ chi tiêu công làm căn cứ để giảm hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, tài nguyên, lao động, thời gian lao động, nâng cao hiệu quả THPT, CLP.

d) Tổ chức lấy ý kiến đối với các dự thảo Luật; đề xuất sửa đổi các Luật, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; sửa đổi theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả việc quản lý, sử dụng các nguồn lực Nhà nước (nhân lực, vật lực, tài lực...).

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về THPT, CLP

a) Nâng cao nhận thức, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác THPT, CLP; xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và xã hội; là văn hoá ứng xử của mỗi cán bộ, công chức, viên chức và mỗi người dân, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả việc huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực kinh tế - xã hội cho phát triển đất nước, nâng cao cuộc sống Nhân dân.

b) Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục THPT, CLP trong hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Đẩy mạnh thông tin, phổ biến pháp luật về THPT, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPT, CLP với các hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục

tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội.

d) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tích cực phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí để thực hiện tuyên truyền, vận động về THTK, CLP đạt hiệu quả.

đ) Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP; thực hiện các biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

4. Tăng cường công tác tổ chức THTK, CLP trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực sau:

a) Về quản lý ngân sách nhà nước

- Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích phân cấp, phân quyền, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, gắn với tăng cường trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính công.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, nhất là đối với các lĩnh vực dễ phát sinh thất thoát, lãng phí.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

b) Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

- Tăng cường tổ chức thực hiện Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết cắt giảm các thủ tục không cần thiết, giao dự toán, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Áp dụng các hình thức đấu thầu phù hợp với tính chất dự án, đúng quy định pháp luật, lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thi công, lựa chọn hình thức Hợp đồng phù hợp theo quy định.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 từ các dự án không giải ngân hoặc chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân và có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn tránh tình trạng vốn đã phân bổ nhưng không giải ngân được gây lãng phí và khó khăn trong điều hành.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ dự án đầu tư công.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư công, Ban Quản lý dự án.

c) Về quản lý, sử dụng tài sản công

- Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công, thực hiện xây dựng Cơ sở dữ liệu thành phần để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của các loại tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm.

d) Về quản lý tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đối với đất đai

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dự báo, cảnh báo điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu hoàn thiện, kết nối liên thông hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, trong đó có dữ liệu về quy hoạch quản lý cập nhật biến động đến từng thửa đất, công bố công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; rà soát, đánh giá đúng thực trạng các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất trên phạm vi toàn tỉnh, đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm giải phóng nguồn lực đất đai, đẩy nhanh việc thực hiện dự án, đưa đất đai vào sử dụng có hiệu quả, phát huy nguồn lực đất đai.

đ) Về quản lý vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

- Nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công tác quản trị, công nghệ, cơ cấu sản phẩm, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

- Đẩy mạnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

e) Về tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động

- Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng hệ thống vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ, vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày

10/9/2020 của Chính phủ làm căn cứ cho việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức và làm cơ sở để thực hiện cải cách tiền lương.

- Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Quản lý chặt chẽ thời gian lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng, đảm bảo năng suất, hiệu quả công việc và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức trong tình hình mới, trong đó cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải cách hành chính, trong đó tập trung kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đúng quy định, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, bảo hiểm, thuế, hải quan... Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm 100% thủ tục hành chính được công bố, công khai đầy đủ, kịp thời, giải quyết đúng hạn.

5. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP và pháp luật chuyên ngành. Các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể liên quan đến THTK, CLP theo Công văn số 762/UBND-TH ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh, trong đó cần chú trọng:

a) Xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm, cụ thể cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Quản lý và sử dụng đất, trọng tâm là các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm sử dụng đất;

- Tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công;

- Quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ.

b) Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

c) Đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí.

Quyết liệt trong xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra để thu hồi tối đa cho Nhà nước tiền, tài sản bị vi phạm, chiếm đoạt, sử dụng sai quy định, lãng phí phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.

IV. CÔNG TÁC BÁO CÁO TỔNG HỢP

1. Báo cáo định kỳ

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp có vốn nhà nước hằng năm có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, đồng thời thông báo công khai kết quả thực hiện Chương trình hành động tăng cường thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng ngân sách của đơn vị mình, kết quả xử lý các trường hợp vi phạm.

- Nội dung báo cáo kết quả THPTK, CLP được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ; Kết quả đánh giá THPTK, CLP trong chi thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả THPTK, CLP trong chi thường xuyên.

- Thời gian gửi báo cáo quy định như sau:

+ Đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 28/01 năm sau liền kề năm báo cáo.

+ Đối với Sở Tài chính tổng hợp báo cáo gửi UBND tỉnh trước ngày 10/02 năm sau liền kề năm báo cáo.

2. Báo cáo đột xuất, không thường xuyên

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình THPTK, CLP, trường hợp phải tổng hợp báo cáo đột xuất về THPTK, CLP tùy theo phạm vi, yêu cầu quản lý, UBND tỉnh sẽ có văn bản yêu cầu báo cáo theo thời gian cụ thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chương trình THPTK, CLP năm 2024, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của sở, ban, ngành, địa phương mình chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của tỉnh được ban hành; chỉ đạo việc xây dựng Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của các cấp, các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Trong Chương trình THPTK, CLP của mỗi cấp, mỗi ngành cần cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí của cấp mình, ngành mình; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra theo Phụ lục hướng dẫn kèm theo Chương trình THPTK, CLP năm 2024.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quán triệt việc:

a) Xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi đề xảy ra lãng phí tại cơ quan, đơn vị mình; trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP năm 2024; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP và các quy định có liên quan trong phạm vi quản lý.

c) Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình này. Thực hiện công khai trong THPTK, CLP đặc biệt là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí; nâng cao chất lượng và đổi mới cách thức đánh giá kết quả THPTK, CLP đảm bảo so sánh một cách thực chất và minh bạch kết quả THPTK, CLP giữa các cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả công tác này.

d) Thực hiện báo cáo tình hình và kết quả thực hiện THPTK, CLP theo quy định.

3. Người đứng đầu các doanh nghiệp có vốn nhà nước có trách nhiệm tổ chức xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của đơn vị mình, đảm bảo phù hợp với Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của UBND tỉnh, trong đó, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra trong năm 2024.

4. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp vốn nhà nước thực hiện phổ biến Chương trình THPTK, CLP năm 2024 đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và đăng tải công khai trên cổng/trang thông tin của Sở, ngành, địa phương, công ty mình; đồng thời gửi Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của Sở, ngành, địa phương, công ty về Sở Tài chính chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ban hành.

5. Giao Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước đăng tải Chương trình THPTK, CLP năm 2024 của tỉnh trên trang Báo Bình Phước để các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội được biết, thực hiện.

6. Sở Tài chính thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc triển khai, thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP của các sở, ban, ngành, địa phương, trong đó có kiểm tra, thanh tra việc triển khai thực hiện Chương trình về THPTK, CLP của UBND tỉnh và việc xây dựng, ban hành Chương trình THPTK, CLP của các sở, ban, ngành, địa phương.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp vốn nhà nước có ý kiến gửi về Sở Tài chính để được giải đáp, trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



PHỤ LỤC
Hướng dẫn xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ghi chú
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ			
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản		
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc		
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ		
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)			
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng		
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng		
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng		
1.4	Các nội dung khác			
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN			

2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
-	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>		
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	<i>triệu đồng</i>		
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
-	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Các nội dung khác</i>			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	<i>triệu đồng</i>		
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	<i>triệu đồng</i>		
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	<i>triệu đồng</i>		
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	<i>triệu đồng</i>		
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	<i>triệu đồng</i>		

3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ			
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		
4	Các nội dung khác			
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước			
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		
2	Tài sản khác			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản		
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng		
3	Các nội dung khác			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng			
1	Trong đầu tư xây dựng			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án		
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng		Tiết

-	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>		kiệm so với dự toán được phê duyệt
-	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>		
-	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án		
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ			
-	<i>Số lượng</i>	dự án		
-	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng		
2	Trụ sở làm việc			
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²		
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²		
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng		
3	Nhà công vụ			
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²		
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²		
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²		

3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng		
4	Các nội dung khác			
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên			
1	Quản lý, sử dụng đất			
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²		
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		
1.4	Các nội dung khác			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác			
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ		
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được			
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án		
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng		
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt			
4	Các nội dung khác			
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước			
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ		
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		
3	Các nội dung khác			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp			

1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng		
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng		
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h		
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)		
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng		
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng		
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng		
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng		
2	Quản lý đầu tư xây dựng			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án		
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án		
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được:			
-	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng		
-	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng		
-	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng		
-	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng		
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn			
-	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án		
-	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng		
2.5	Các nội dung khác			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN			
-	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng		
-	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng		
-	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng		
4	Mua sắm phương tiện			
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con			



-	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc		
-	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc		
-	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng		
-	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc		
-	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng		
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		
-	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc		
-	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng		
5	Nợ phải thu khó đòi			
	Số đầu kỳ	triệu đồng		
	Số cuối kỳ	triệu đồng		
6	Vốn chủ sở hữu			
	Số đầu năm	triệu đồng		
	Số cuối kỳ	triệu đồng		
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân			
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ		
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ		
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP			
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc		
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc		
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị		

5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng		

